

Số: /BC-CCTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
Tháng 3 và quý I năm 2025

Năm 2025, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt từ 8% trở lên, tuy nhiên, Ngân hàng Thế giới dự báo mức tăng chỉ khoảng 6,8%, phản ánh những thách thức cả từ bên ngoài (suy giảm thương mại toàn cầu) và nội tại (cầu tiêu dùng yếu, dòng vốn đầu tư chưa bền vững). Quý I/2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, lạm phát kéo dài, chính sách tiền tệ thắt chặt, căng thẳng địa chính trị leo thang... ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh đó, tỉnh Vĩnh Phúc đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bám sát chỉ đạo của Trung ương, đồng thời linh hoạt điều hành các chương trình, kế hoạch trọng tâm của địa phương.

Nhờ sự quyết liệt trong chỉ đạo điều hành và nỗ lực từ các ngành, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc trong quý I/2025 đạt được nhiều kết quả tích cực. GRDP toàn tỉnh ước tăng 8,75% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 4,25% của quý I/2024, tiếp tục khẳng định vai trò động lực của khu vực công nghiệp – xây dựng. Các lĩnh vực khác như thu ngân sách, đầu tư phát triển, thương mại – dịch vụ, hỗ trợ doanh nghiệp và an sinh xã hội đều ghi nhận kết quả khả quan, tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội những quý tiếp theo.

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I/2025 ước tăng 8,75% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 4,25% của quý I/2024 và là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2020 - 2025. Cụ thể tăng trưởng các ngành như sau:

1.1. Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì mức tăng trưởng ổn định 1,18%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 0,91%, lâm nghiệp tăng 3,20%, thủy sản tăng 3,72%. Điều kiện thời tiết cơ bản thuận lợi, giá nông sản ổn định và một số sản phẩm chăn nuôi có xu hướng tăng đã thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp.

1.2. Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng

Trong mức tăng chung, khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục đóng vai trò trụ cột, tăng 12,55%, đóng góp 6,09 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng đạt mức tăng 12,94% nhờ sự đóng góp của cả 3 ngành kinh tế chủ lực: ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và quang học tăng 12,79%, đóng góp 2,83 điểm phần trăm; ngành sản xuất ô tô tăng 22,15%, đóng góp 0,49 điểm phần trăm; ngành sản xuất xe máy tăng 5,36%, đóng góp 0,41 điểm %. Bên cạnh các ngành công nghiệp chủ lực, kết quả sản xuất kinh doanh một số ngành công nghiệp có mức tăng trưởng cao, đóng góp lớn vào tăng trưởng GRDP quý I của tỉnh: Ngành sản xuất kim loại tăng 26,49%, đóng góp 0,33 điểm %; sản xuất thiết bị điện tăng 37,78%, đóng góp 0,28 điểm phần trăm; ngành sản xuất hóa chất tăng 66,35%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm...

Ngành xây dựng tăng 9,15%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm, cho thấy sự quyết liệt của tỉnh trong công tác đầu tư công, duy trì hoạt động đầu tư phát triển hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

1.3. Tăng trưởng khu vực dịch vụ

Quý I/2025, hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn diễn ra sôi động, các lễ hội, điểm du lịch tâm linh, khu du lịch, nghỉ dưỡng trên địa bàn thu hút sự quan tâm của đông đảo du khách thập phương, chất lượng phục vụ tại các nhà hàng, khách sạn... ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân. Doanh thu các ngành thương mại, dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống quý I/2025 tăng khá so với cùng kỳ. Ước tính tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt mức tăng 8,77% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 2,04 điểm phần trăm vào tăng trưởng GRDP toàn tỉnh. Một số ngành dịch vụ có tốc độ tăng khá, góp phần quan trọng vào tăng trưởng khu vực: Ngành bán buôn, bán lẻ tăng 6,79%, trong đó hoạt động bán lẻ tăng 6,73%, đóng góp lần lượt 0,43 và 0,16 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 6,35%, đóng góp 0,14 điểm phần trăm; hoạt động lưu trú và ăn uống tăng 14,97%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm. Các ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm duy trì đà tăng trưởng ổn định ở mức 7,86%, đóng góp 0,18 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 3,03%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Quý I/2025, hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc diễn ra thuận lợi. Tiến độ thu hoạch cây vụ đông và gieo trồng vụ xuân đảm bảo khung thời vụ; chăn nuôi lợn phát triển tốt, sản lượng tăng khá so cùng kỳ; lĩnh vực lâm nghiệp và thủy sản duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

2.1. Sản xuất nông nghiệp

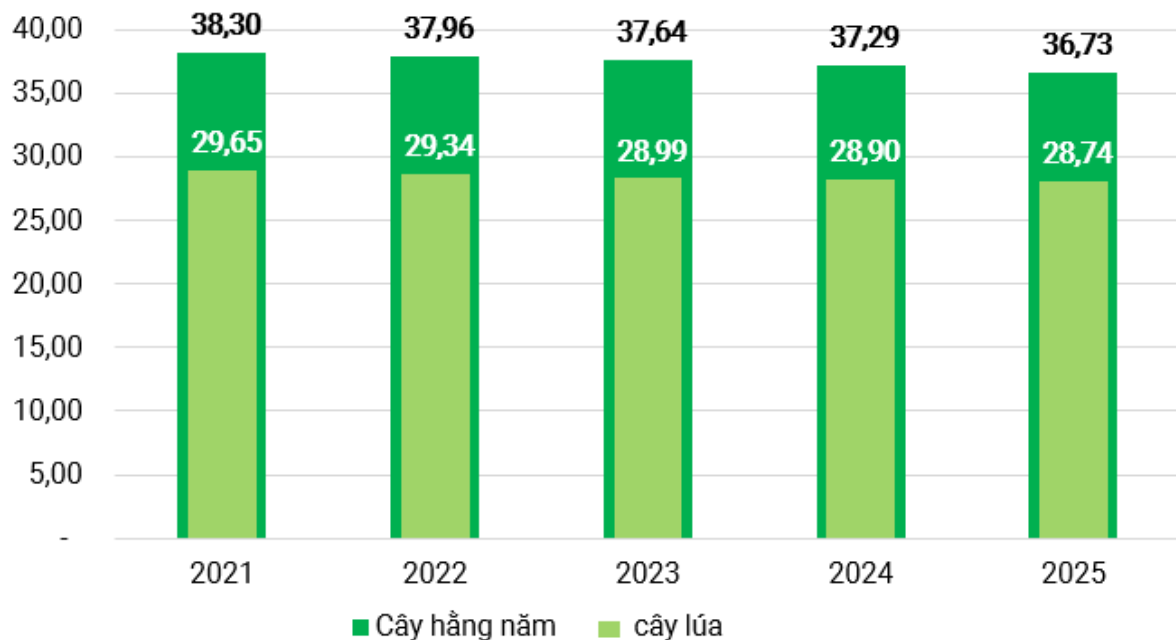
a. Trồng trọt:

+ Kết quả thu hoạch vụ đông: Năng suất, sản lượng một số cây trồng vụ đông như sau: Ngô năng suất đạt 50,31 tạ/ha (+1,85%), sản lượng 24.579,7 tấn

(-5,82%); khoai lang năng suất 123,23 tạ/ha (-1,02%), sản lượng 17.283,3 tấn (+8,60%); đậu tương năng suất 21,88 tạ/ha (+4,39%), sản lượng 916,4 tấn (+9,64%); rau các loại 5.215,5 ha (-1,51%), năng suất 234,80 tạ/ha (+1,46%), sản lượng 121.848,6 tấn (-0,07%).

+ Gieo trồng vụ Xuân: Tính đến 20/3/2025, toàn tỉnh đã gieo trồng được 36.731,2 ha cây vụ xuân, đạt 98,74% kế hoạch và giảm 1,29% (-478,6 ha) so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, diện tích trồng lúa đạt 28.738,0 ha, giảm 0,56% so với cùng kỳ. Vụ lúa xuân năm 2025, tỉnh chủ yếu gieo cấy trà xuân với các giống ngắn ngày, năng suất cao như TBR225, Thiên ưu 8, ADI 28, ADI 168... Diện tích gieo trồng lúa xuân có xu hướng giảm qua các năm, chủ yếu do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiệu quả kinh tế ngành nông nghiệp thấp.

Diện tích gieo trồng cây hằng năm giai đoạn 2021 – 2025 (nghìn ha)



b. Chăn nuôi:

Trong quý I/2025, chăn nuôi trên địa bàn tỉnh diễn ra ổn định. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, tái đàn, duy trì quy mô hợp lý được đẩy mạnh sau Tết Nguyên đán. Biện pháp phòng, chống dịch bệnh mùa rét được thực hiện hiệu quả; ngành chức năng tăng cường kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y. Đến ngày 20/3, không ghi nhận ổ dịch nguy hiểm; các bệnh thông thường trên vật nuôi được xử lý kịp thời.

Mặc dù tổng đàn một số vật nuôi giảm nhưng sản lượng chăn nuôi quý I/2025 vẫn ghi nhận mức tăng nhẹ so với cùng kỳ. Đến cuối tháng 3/2025, đàn trâu bò toàn tỉnh giảm 11,50% so với cùng kỳ; đàn bò sữa tăng nhẹ; đàn lợn tăng 2,07% nhờ giá lợn hơi duy trì ở mức khá cao; chăn nuôi gia cầm gặp khó khăn do

giá sản phẩm giảm, tổng đàn giảm 0,60% so với cùng kỳ¹. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong quý I/2025 đạt 38.057,3 tấn, tăng 2,04% so cùng kỳ (trong đó thịt lợn đạt 25.500,9 tấn, tăng 2,89%; thịt gia cầm đạt 10.944,4 tấn, tăng 0,51%); trứng gia cầm đạt 221,1 triệu quả, tăng 3,98%.

Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu quý I/2025



2.2. Sản xuất lâm nghiệp

Quý I/2025, hoạt động lâm nghiệp tập trung vào trồng rừng, cây phân tán, chăm sóc rừng trồng, giữ ổn định độ che phủ rừng. Ước tính tháng 3/2025, các cơ sở trồng rừng trên toàn tỉnh trồng được 125,0 ha rừng trồng mới, tăng 77,48%; trồng được 237,4 nghìn cây trồng phân tán, tăng 53,16%; khai thác được 5.385,0 m³ gỗ, tăng 0,99% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2025, toàn tỉnh trồng mới được 208,8 ha rừng tập trung, tăng 25,53% và 343,9 nghìn cây phân tán tăng 25,74%; sản lượng gỗ khai thác đạt 11.626,8 m³, tăng 2,74%.

2.3. Sản xuất thủy sản

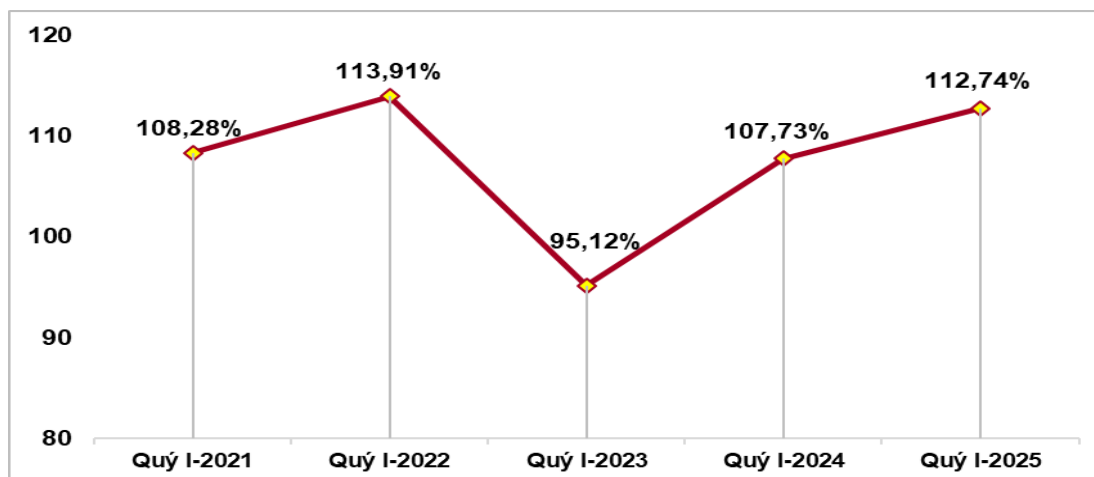
Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh ổn định và tăng so với cùng kỳ nhờ mở rộng diện tích nuôi, đầu tư giống cá năng suất cao và áp dụng kỹ thuật tiên tiến. Tháng 3/2025, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 1.703,3 tấn (+6,73%), trong đó sản lượng cá đạt 1.698,2 tấn (+6,75%), thủy sản khác 5,1 tấn (tương đương cùng kỳ). Tính chung quý I/2025, sản lượng nuôi trồng đạt 5.528,0 tấn (+3,54%), trong đó sản lượng cá 5.523,3 tấn (+3,55%), thủy sản khác 5,7 tấn (+0,53%). Sản lượng con giống sản xuất đạt 999,5 triệu con, tăng 1,68% so với cùng kỳ.

3. Sản xuất công nghiệp

Quý I/2025, tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân ổn định sản xuất, đồng thời đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao. Cùng với sự hỗ trợ của các cấp ngành chức năng, các doanh nghiệp trên địa bàn đã chủ động mở rộng thị trường, tăng cường xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhờ đó, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) quý I/2025 ghi nhận mức tăng khá (+12,74%) so với cùng kỳ, chỉ thấp hơn mức tăng 13,91% của quý I/2022 trong giai đoạn 2021-2025.

¹Giá lợn hơi dao động trong khoảng từ 65.000 đồng/kg - 72.000 đồng/kg; giá gà thịt lông màu chỉ từ 38.000 đồng/kg - 40.000 đồng/kg, giá trứng gà từ 1.100 đồng/quả - 1.300 đồng/quả...

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I giai đoạn năm 2021-2025



Tháng 3/2025, ước tính chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 13,05% so với tháng trước và tăng 14,90% so với cùng kỳ. So với tháng trước, ngành khai khoáng tăng 4,44%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,08%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 11,86%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,00%.

Quý I/2025, ước tính IIP tăng 12,74% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ, ngành khai khoáng giảm 43,70%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,70%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 6,89%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 27,59%.

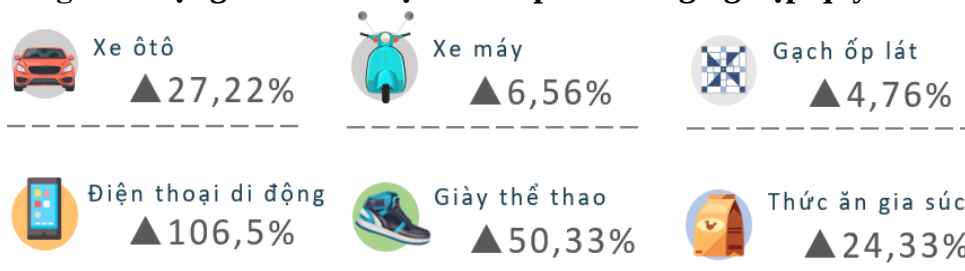
Quý I/2025, trong các ngành công nghiệp cấp II, có tới 23/25 ngành công nghiệp có IIP tăng và chỉ có 02/25 ngành có IIP giảm so cùng kỳ. Chỉ số sản xuất các ngành công nghiệp chủ lực ghi nhận mức tăng trưởng tích cực: Ngành linh kiện điện tử tăng 12,27%, nhờ hoạt động đầu tư mở rộng và nhiều dự án mới đi vào sản xuất, qua đó giúp gia tăng sản lượng và doanh thu của ngành²; ngành ô tô và xe máy tăng 22,42% và 7,00% nhờ sức mua cải thiện, doanh nghiệp đẩy mạnh khuyến mãi và nâng cấp sản phẩm; ngành sản xuất kim loại và khoáng phi kim loại lần lượt tăng 27,16% và 5,04% với thị trường tiêu thụ duy trì ổn định.

Sản lượng sản xuất một số sản phẩm: Tháng 3/2025, ngoài xe máy các loại có sản lượng giảm 7,91% so với cùng kỳ năm trước, các sản phẩm chủ yếu còn lại đều có sản lượng tăng; trong đó, thức ăn chăn nuôi tăng mạnh với mức tăng 47,95% so với cùng kỳ. Quý I/2025, ước tính sản lượng sản xuất của một số sản phẩm công

² Một số dự án mới đi vào hoạt động trong tháng: Dự án nhà máy AAC Technologies; dự án nhà máy QAT Word; dự án nhà máy Circuit Flex Vina; dự án nhà máy Dong Hwan Electronic...

ngành chủ yếu của tỉnh đều tăng so với cùng kỳ năm trước; trong đó, tăng cao nhất là sản phẩm điện thoại di động với mức tăng 106,5%.

Tốc độ tăng sản lượng sản xuất một số sản phẩm công nghiệp quý I/2025 (%)



Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn: Quý I/2025, một số doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như dệt may, da giày, linh kiện điện tử... ký thêm được nhiều đơn hàng nên đã tăng cường tuyển dụng lao động, đáp ứng tiến độ giao hàng cho đối tác. Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng Ba tăng 1,28% so với tháng trước và tăng 1,80% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2025, chỉ số sử dụng lao động toàn ngành tăng 0,09% so với quý I/2024.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 3/2025, ước tăng 11,56% so với tháng trước và tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, 11 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng, một số ngành có mức tăng cao là: Ngành dệt tăng 38,97%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 57,41%; ngành sản xuất xe có động cơ tăng 97,63%. Ngược chiều, 07 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm; trong đó, giảm mạnh nhất là ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 23,60% và ngành sản xuất, chế biến thực phẩm giảm 15,96%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 3/2025, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có chỉ số tồn kho giảm 7,75% so với tháng trước và giảm 17,10% so với cùng kỳ. So với tháng trước, 09 ngành công nghiệp cấp 2 có chỉ số tồn kho tăng, 09 ngành có chỉ số này giảm. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Ngành sản xuất thiết bị điện tăng 37,08%; ngành sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 14,91%; ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 10,59%. Ngược lại, các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 35,12%; ngành sản xuất xe có động cơ giảm 36,58%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 29,21%.

3. Hoạt động của doanh nghiệp

3.1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong 3 tháng đầu năm 2025 có nhiều tín hiệu tích cực với số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tăng

khá. Tính đến ngày 20/3/2025, toàn tỉnh có 344 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.886 tỷ đồng, tăng 12,05% về số doanh nghiệp, giảm 46,36% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; dự kiến tạo thêm việc làm cho 2.489 lao động. Doanh nghiệp thành lập mới tập trung chủ yếu ở các ngành, lĩnh vực: ngành Bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (118 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 495 tỷ đồng); ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo (61 doanh nghiệp với vốn đăng ký 553 tỷ đồng); đặc biệt ở lĩnh vực Giáo dục, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng gấp 6,87 lần so với cùng kỳ với 55 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới do tác động của Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm.

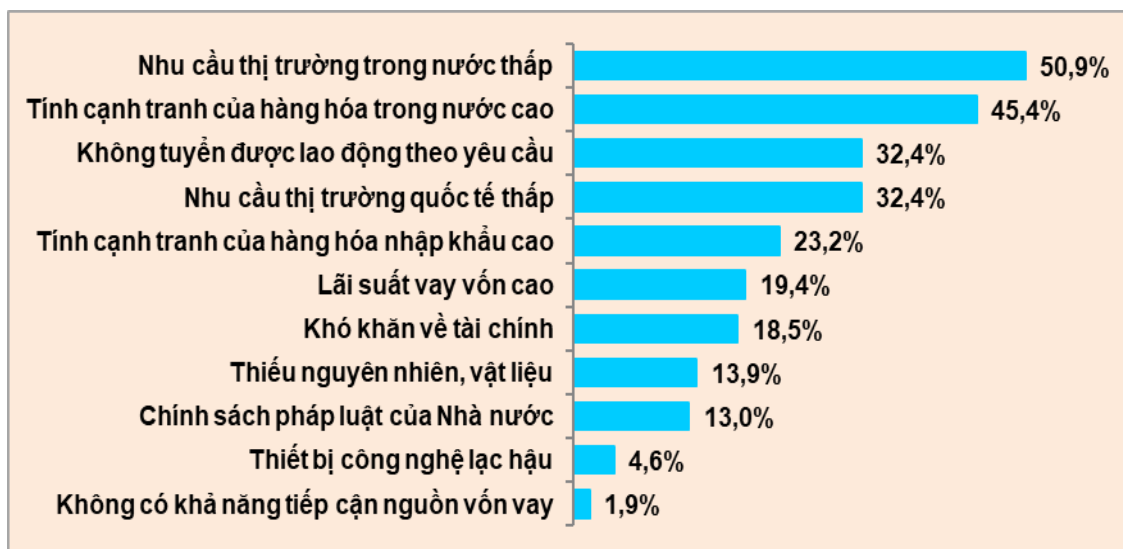
Lũy kế 3 tháng đầu năm, số lượng doanh nghiệp tham gia quay trở lại thị trường là 189 doanh nghiệp, tăng 16,67% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 3 tháng đầu năm lên 533 doanh nghiệp (tăng 13,65% so với cùng kỳ); cho thấy những tín hiệu lạc quan về thị trường khi số lượng doanh nghiệp đã vượt qua khó khăn, tìm kiếm được khách hàng, thị trường và quay trở lại hoạt động cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, giải thể vẫn có chiều hướng gia tăng với 764 doanh nghiệp, tăng 29,49% so với cùng kỳ; để duy trì đà tăng trưởng, tỉnh cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hỗ trợ doanh nghiệp vượt khó khăn.

3.2. Xu hướng SXKD ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Theo đánh giá của các DN ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, hoạt động SXKD quý I/2025 tích cực hơn quý IV/2024 với 70,4% DN đánh giá hoạt động tốt hơn và giữ ổn định, 29,6% DN đánh giá sẽ khó khăn hơn.

Tỉ lệ các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của các DN ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn quý I/2025



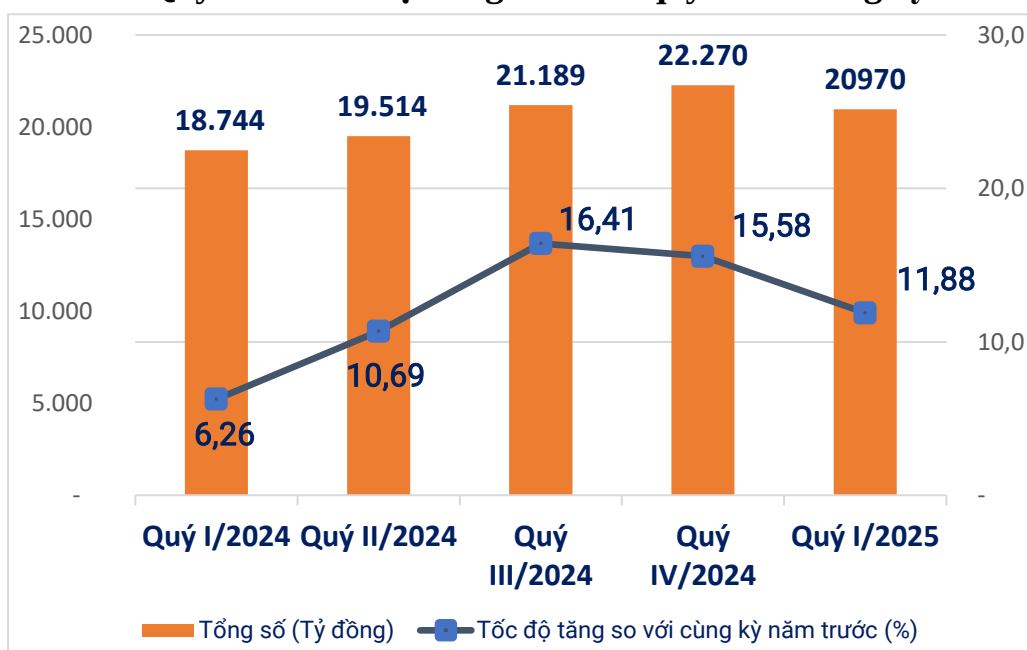
Trong quý I/2025, hai yếu tố “nhu cầu thị trường trong nước thấp” và “tính cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao” vẫn là những yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động SXKD của DN với tỉ lệ DN lựa chọn lần lượt là 50,9% và 45,4%; 18,5% DN lựa chọn yếu tố “khó khăn về tài chính”, giảm 8,9 điểm phần trăm so với quý IV/2024.

Dự báo tình hình SXKD trong quý II/2025: 57,4% số DN được hỏi đánh giá tốt hơn quý I/2025; 27,8% DN nhận định giữ ở mức ổn định và 14,8% DN đánh giá sẽ gặp khó khăn hơn.

4. Thương mại, dịch vụ

Quý I/2025, hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi động, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng, đi lại và sản xuất kinh doanh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng khá 11,88% so với cùng kỳ. Hoạt động vận tải ổn định, doanh thu toàn ngành tăng 8,47%; trong đó vận tải hành khách tăng mạnh 25,40% nhờ nhu cầu đi lại, du xuân đầu năm cao.

Quy mô và tốc độ Tổng mức các quý so với cùng kỳ



4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 3/2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (viết gọn là tổng mức) trên địa bàn ước đạt 6.943,8 tỷ đồng, tăng 5,59% so với tháng Hai và tăng 12,42% so với cùng kỳ.

Tính chung quý I/2025, tổng mức ước đạt 20.970,3 tỷ đồng, tăng 11,88% so với cùng kỳ. Trong đó:

+ *Doanh thu bán lẻ hàng hóa* ước đạt 16.609,4 tỷ đồng, tăng 10,43% so với cùng kỳ. Trong 12 nhóm ngành, có 10/12 ngành hàng có doanh thu tăng, trong đó 6 ngành tăng với tốc độ hai con số: Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 68,11%; hàng may mặc tăng 30,91%; hàng hóa khác tăng 17,88%; ô tô con tăng 14,67%;

nhiên liệu khác tăng 12,38%; lương thực, thực phẩm tăng 10,04%. Ngược chiều, nhóm vật phẩm, văn hóa, giáo dục giảm 3,40% do quy định hạn chế dạy thêm; dịch vụ sửa chữa ô tô, xe máy và xe cơ giới khác giảm 11,54% do nhu cầu bảo dưỡng giảm và xu hướng sử dụng xe điện ngày càng nhiều.

+ *Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* ước đạt 1.823,5 tỷ đồng, tăng 20,59% so với cùng kỳ. Trong đó: dịch vụ lưu trú đạt 179,9 tỷ đồng, tăng 21,68%; dịch vụ ăn uống đạt 1.643,6 tỷ đồng, tăng 20,47%. Hoạt động lễ hội, du lịch tâm linh và chất lượng phục vụ ngày càng tốt đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu.

+ *Doanh thu du lịch lữ hành quý* ước đạt 38,6 tỷ đồng, giảm 4,85% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do xu hướng du lịch tự túc ngày càng phổ biến, người dân hạn chế sử dụng tour trọn gói từ các công ty lữ hành.

+ *Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác* ước đạt 2.498,8 tỷ đồng, tăng 16,14% so với cùng kỳ. Một số ngành có mức tăng mạnh như: dịch vụ giáo dục và đào tạo đạt 302,5 tỷ đồng, tăng 74,01%; dịch vụ khác đạt 419,5 tỷ đồng, tăng 67,10%; dịch vụ hành chính và hỗ trợ đạt 590,6 tỷ đồng, tăng 14,5%.

4.2. Vận tải hành khách và hàng hóa

Quý I/2025, hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh diễn ra ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn và đáp ứng tốt nhu cầu di chuyển, vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất, tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội đầu năm. Doanh thu toàn ngành vận tải, kho bãi ước đạt 2.141,1 tỷ đồng, tăng 8,47% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động vận tải hành khách tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng khá. Doanh thu quý I ước đạt 487,4 tỷ đồng, tăng 25,40% so với cùng kỳ; vận chuyển 11,5 triệu lượt hành khách, luân chuyển đạt 670,2 triệu hành khách.km. Trong quý, nhu cầu đi lại, du xuân, tham gia lễ hội, thăm thân gia tăng rõ rệt. Đặc biệt, lượng khách đến khu du lịch tâm linh Tây Thiên tăng đáng kể, góp phần làm tăng doanh thu vận tải hành khách trên địa bàn.

Hoạt động vận tải hàng hóa trong quý I có phần chững lại. Doanh thu ước đạt 1.395,2 tỷ đồng, giảm 1,05% so với cùng kỳ; vận chuyển hơn 12,5 triệu tấn hàng hóa và luân chuyển đạt 1.216,9 triệu tấn.km. Trong đó, vận tải hàng hóa đường bộ đạt doanh thu 1.001,8 tỷ đồng, tăng 2,62% so với cùng kỳ; vận chuyển 5,7 triệu tấn hàng và luân chuyển 496,6 triệu tấn.km. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa đạt doanh thu 393,4 tỷ đồng, giảm 9,29% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do mực nước trên sông Hồng và sông Lô ở mức thấp, ảnh hưởng đến việc di chuyển của các tàu hàng, đặc biệt là tàu có trọng tải lớn, khiến các doanh nghiệp phải giảm số chuyến vận chuyển.

Hoạt động hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát diễn ra sôi động, với doanh thu quý I ước đạt 258,5 tỷ đồng, tăng 47,45% so với cùng kỳ năm trước, riêng doanh thu bưu chính chuyển phát tăng tới 140,69%. Sự phát triển của thị trường thương mại điện tử, kết hợp với hạ tầng logistics ngày càng hoàn thiện và dịch vụ giao hàng tiện lợi, nhanh chóng đã góp phần đưa lĩnh vực này trở thành một trong những điểm sáng của ngành vận tải trong quý đầu năm.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước

Quý I/2025, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt mức tăng khá, thu từ khu vực sản xuất kinh doanh tiếp tục là nguồn đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng nguồn thu ngân sách của tỉnh. Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tính đến ngày 14/3/2025, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 8.339,7 tỷ đồng, tăng 2,97% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa tăng 2,78% so cùng kỳ, tăng cao ở nguồn thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài nhà nước đạt 723,8 tỷ đồng, tăng 31,61%; thu từ doanh nghiệp nước ngoài tăng 6,03% (đạt 5.391,8 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước. Thu từ Hải quan đạt 984,3 tỷ đồng, tăng 4,46% so với cùng kỳ năm trước.

Quản lý chi ngân sách được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tính đến ngày 14/3/2025, tổng chi NSNN đạt 6.713,2 tỷ đồng, giảm 15,44% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt 3.637,6 tỷ đồng, giảm 32,50%; chi thường xuyên đạt 3.063,7 tỷ đồng, tăng 20,74% so với cùng kỳ.

2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế. Mặt bằng lãi suất trên địa bàn tiếp tục duy trì ổn định, lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,5-6,0%/năm đối với từng kỳ hạn; lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 3,5-10,5%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng. NHNN Khu vực 4 chỉ đạo các TCTD trên địa bàn bám sát chỉ đạo của NHNN Việt Nam và Hội sở chính về tăng trưởng tín dụng, cân đối nguồn vốn để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 an toàn, hiệu quả; trong đó tập trung cấp tín dụng hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng; triển khai hiệu quả, thiết thực Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp;...

Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn dự kiến tại thời điểm 31/3/2025 đạt 138 nghìn tỷ đồng, giảm 1,52% so với cuối năm 2024. Chủ yếu huy động từ nguồn tiền gửi dân cư, ước đạt 97 nghìn tỷ đồng, tăng 5,60%, bù đắp cho sự

thiếu hụt từ tiền gửi của các tổ chức kinh tế (ước đạt 40,8 nghìn tỷ đồng, giảm 15,23%) do doanh nghiệp không có nguồn tiền nhàn rỗi, tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh, một số doanh nghiệp nước ngoài chuyển lợi nhuận về nước,... nên không có tiền nhàn rỗi gửi ngân hàng dẫn đến lượng tiền gửi vào các tổ chức tín dụng trên địa bàn chưa cao.

Tổng dư nợ cho vay dự kiến tại thời điểm 31/3/2025 đạt 146 nghìn tỷ đồng, tăng 1,61% so với cuối năm 2024. Dư nợ cho vay chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn, ước đạt 108 nghìn tỷ đồng, tăng 1,23% so với cuối năm 2024, chiếm 73,97% tổng dư nợ.

NHNN Khu vực 4 tăng cường công tác giám sát chặt chẽ hệ thống các TCTD trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định về cấp tín dụng, an toàn hoạt động, cơ cấu lại nợ nhằm hạn chế nợ xấu phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng; triển khai các giải pháp xử lý nợ xấu. Nợ xấu trên địa bàn ước tại thời điểm 31/3/2025 là 1.380 tỷ đồng; chiếm 0,95% trên tổng dư nợ.

3. Hoạt động đầu tư

- *Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội*: Tình hình thực hiện vốn đầu tư quý I/2025 trên địa bàn duy trì đà tăng trưởng tích cực, cả 3 khu vực kinh tế đều ghi nhận mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2024. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 9.682,8 tỷ đồng, tăng 8,33% so với cùng kỳ. Cụ thể:

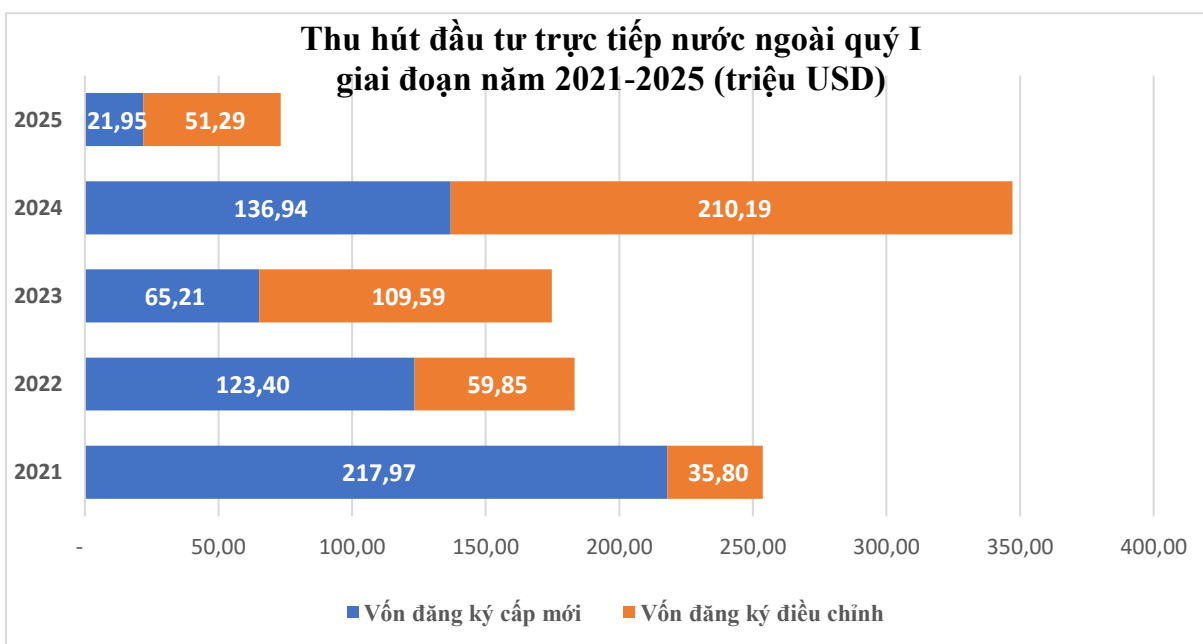
+ Khu vực Nhà nước ước đạt 1.723,6 tỷ đồng, tăng 2,68%. Công tác giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh theo chỉ đạo của Chính phủ cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị đã thúc đẩy vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tăng 9,12% so với cùng kỳ năm trước (ước đạt 1.461,8 tỷ đồng), bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh ước đạt 492,1 tỷ đồng, tăng 2,80%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 534,1 tỷ đồng, giảm 14,33%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã đạt 435,7 tỷ đồng, tăng 83,38% so với cùng kỳ năm trước.

+ Khu vực ngoài Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ lực với tổng vốn đầu tư ước đạt 4.643,2 tỷ đồng, chiếm 47,95% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 12,99%. Nhiều dự án đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô sản xuất tiếp tục được các nhà đầu tư trong nước tích cực triển khai, góp phần thúc đẩy vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 27,11% (ước đạt 979,2 tỷ đồng). Cùng chiều, khu vực hộ dân cư cũng ghi nhận mức tăng trưởng tốt là 9,73% (ước đạt 3.663,9 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.

+ Khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3.316,0 tỷ đồng, tăng 5,25%, chiếm 34,25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Đây cũng là khu vực hiện mang lại giá trị sản xuất chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế của tỉnh. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế số, điện tử, công nghiệp sinh học, vật liệu mới, dược phẩm, nông

nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ môi trường và năng lượng sạch để thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp và tăng trưởng nền kinh tế ở mức độ cao hơn, bền vững hơn.

- *Thu hút đầu tư trực tiếp*: Tình hình thu hút đầu tư vẫn gặp khó khăn với mức giảm mạnh về vốn đăng ký so với cùng kỳ ở cả khu vực FDI và DDI. Tính đến ngày 15/3/2025, tỉnh đã thu hút được 08 dự án DDI (03 dự án cấp mới và 05 dự án điều chỉnh vốn) với tổng vốn đạt 445,7 tỷ đồng, giảm 78,77% so với cùng kỳ năm 2024 và đạt 14,86% so với kế hoạch năm (3.000 tỷ đồng). Môi trường đầu tư tại tỉnh Vĩnh Phúc đang tiếp tục được cải thiện và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp; chủ động nắm bắt, triển khai các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.



Khu vực FDI, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 16 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đạt 73,24 triệu USD, giảm 36,00% về số dự án và giảm 78,90% về tổng vốn đăng ký so với cùng kỳ (trong đó cấp mới 06 dự án với tổng vốn đăng ký 21,95 triệu USD và 10 dự án điều chỉnh vốn với số vốn 51,29 triệu USD). Thị trường đối tác đầu tư truyền thống như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc tiếp tục được duy trì, trong đó Trung Quốc là quốc gia đầu tư lớn nhất với 39,55 triệu USD chiếm 53,99% tổng vốn FDI. Tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục duy trì môi trường đầu tư hấp dẫn, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 73,29 triệu USD (chiếm 98,70% tổng vốn đăng ký) cho 15 dự án. Một số dự án tiêu biểu có thể kể đến như Dự án Ability Electronics Technology Vietnam về lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ điện, điện tử của Đài Loan (Trung Quốc) tại KCN Bá Thiện – phân khu I với tổng vốn đầu tư 20 triệu USD, Dự án Nhà máy Valuetronics Việt Nam về lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ điện, điện tử của Trung Quốc tại KCN Thăng Long, Vĩnh Phúc với tổng vốn đầu tư 13,3 triệu USD

4. Chỉ số giá

4.1. Chỉ số giá tiêu dùng

Tháng 3/2025, giá lợn hơi tăng cao do nguồn cung hạn chế tác động tới nhóm thực phẩm tăng; giá tiêu dùng điện, nước tăng do nhu cầu sử dụng của người dân tăng... là những nguyên nhân chính khiến cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Ba trên địa bàn tỉnh tăng 0,40% so với tháng trước, tăng 3,46% so với cùng kỳ. Bình quân 3 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 1,88% so với bình quân cùng kỳ năm 2024.

So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2025 tăng 0,40%. Nhóm tăng mạnh nhất là nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 4,51%; nhóm nhà ở, điện, nước và vật liệu xây dựng tăng 0,68%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,35% (trong đó: thực phẩm tăng 1,02%³, đóng góp +0,24 điểm phần trăm). Ở chiều ngược lại, nhóm giao thông giảm 1,21%, làm CPI giảm 0,11 điểm phần trăm; các nhóm thiết bị gia đình, bưu chính viễn thông, văn hóa, giải trí và du lịch giảm nhẹ; thuốc và dịch vụ y tế không biến động.

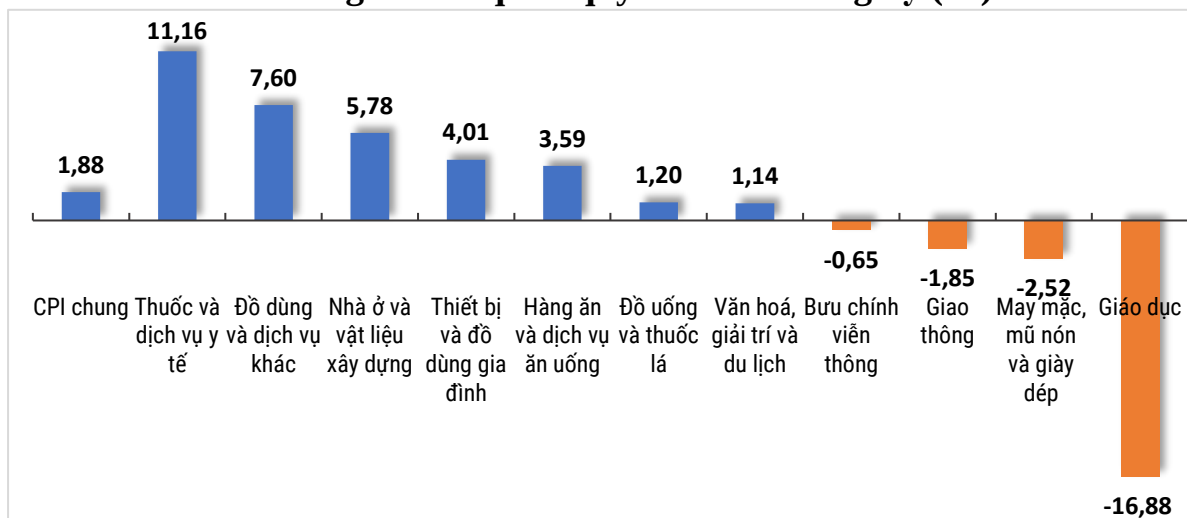
So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 3/2025 tăng 3,47%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính, có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 10,94% do điều chỉnh giá khám chữa bệnh; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 7,54% do giá bảo hiểm y tế, đồ trang sức và dịch vụ hiếu hỉ tăng; nhóm nhà ở, điện, nước và vật liệu xây dựng tăng 5,92%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,14% (trong đó thực phẩm tăng 4,90%, lương thực giảm 2,70%). Ở chiều ngược lại, nhóm giao thông giảm 3,60% do giá xăng dầu giảm; bưu chính viễn thông giảm 0,77%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,16%.

Tính chung quý I/2025, CPI trên địa bàn tăng 1,88% so với cùng kỳ năm trước; có 7 nhóm hàng tăng giá và 4 nhóm giảm giá. Các yếu tố làm tăng CPI gồm: Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 11,16% (đóng góp +0,79 điểm phần trăm) do điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 7,60% (+0,27 điểm phần trăm) do điều chỉnh bảo hiểm y tế và giá vàng tăng; nhóm điện sinh hoạt tăng 5,18% (+0,85 điểm phần trăm) do nhu cầu cao và điều chỉnh giá điện; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 4,01% (+0,36 điểm phần trăm); nhóm thực phẩm tăng 3,93% (+0,92 điểm phần trăm) do nhu cầu dịp Tết; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,20% (+0,02 điểm phần trăm). Ở chiều ngược lại, nhóm giáo dục giảm mạnh 16,88% do chính sách hỗ trợ học phí, làm CPI chung giảm 1,09 điểm phần trăm; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 2,52% (-

³ Giá thịt lợn tháng 3/2025 tăng 5,56% so với tháng trước do nguồn cung giảm sau Tết, việc tái đàn chậm, thời tiết bất lợi khiến dịch bệnh trên đàn lợn phát sinh. Bên cạnh đó, chính sách siết nhập khẩu thịt khiến nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu tiêu dùng vẫn ổn định, đẩy giá tăng cao.

0,18 điểm phần trăm); giao thông giảm 1,85% (-0,17 điểm phần trăm) do giá xăng dầu giảm; nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,65% (-0,03 điểm phần trăm).

Chỉ số giá bình quân quý I/2024 so cùng kỳ (%)



- *Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ*: Tháng 03/2024, chỉ số giá vàng tăng 5,08% so với tháng trước, tăng 34,71% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,34% so với tháng trước, tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân ba tháng so cùng kỳ, chỉ số giá vàng tăng 33,69%, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,97%.

4.2. Chỉ số giá sản xuất

- *Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản* quý I/2025 giảm 1,47% so với quý trước và tăng 8,74% so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, mức giảm chủ yếu do nhóm cây hàng năm giảm 6,11%, trong đó giá rau, đậu và hoa giảm mạnh 14,01% nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi làm sản lượng tăng cao sau Tết. Ngược lại, nhóm cây lâu năm tăng 3,12%, và giá sản phẩm chăn nuôi lợn tăng 7,91% là các yếu tố chính kéo chỉ số chung không giảm sâu hơn. Giá sản phẩm chăn nuôi biến động trái chiều giữa các nhóm. Cụ thể, giá lợn giống và sản phẩm từ lợn tăng do nguồn cung giống giảm, các doanh nghiệp lớn chăn nuôi khép kín không bán giống ra thị trường, trong khi các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ thu hẹp quy mô tái đàn. Ngược lại, giá sản phẩm gia cầm giảm 8,41% do người dân tăng đàn sau Tết nhưng sức tiêu thụ yếu.

Chỉ số giá sản xuất ngành lâm nghiệp tăng 0,73% so với quý trước và tăng 0,95% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ giá lâm sản ngoài gỗ tăng 5,21%. Ngành thủy sản giảm nhẹ 0,40% so với quý trước nhưng vẫn tăng 0,58% so với cùng kỳ, trong đó nhóm nuôi trồng giảm 0,42%.

- *Chỉ số giá sản xuất công nghiệp* quý I/2025 tăng 0,86% so với quý trước và tăng 0,47% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm ngành công nghiệp khai khoáng tăng 1,14%, chủ yếu do chi phí nhân công, vận chuyển tăng, tác động đến giá đá xây dựng. Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,85%; trong đó, giấy và

sản phẩm từ giấy tăng 2,42%, thiết bị điện tử tăng 2,55%, sản phẩm từ cao su và plastic tăng 1,83% do giá nguyên vật liệu đầu vào và tỷ giá USD tăng. Ở chiều ngược lại, một số nhóm giảm giá như: sản phẩm trang phục giảm 2,13%, sản phẩm khoáng phi kim loại giảm 2,17%, ô tô và xe có động cơ giảm 3,87% do tồn kho lớn, doanh nghiệp giảm giá để kích cầu. Nhóm sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước tăng 1,74% so với quý trước và tăng 7,48% so với cùng kỳ do tác động từ điều chỉnh giá điện. Nhóm xử lý nước thải, rác thải tăng 2,88% so với quý trước và 5,23% so cùng kỳ.

4.3. Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất

Quý I năm 2025, chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng nhẹ 0,06% so với quý trước nhưng giảm 0,54% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,06% so với quý trước và tăng 10,18% so với cùng kỳ. So với quý trước, giá giống vật nuôi tăng (lợn giống tăng 0,57%, trâu bò giống tăng 0,92%) và giá cá giống tăng 1,72% khi bước vào vụ nuôi trồng mới. Bên cạnh đó, chi phí điện phục vụ tưới tiêu tăng 0,68%. Ngược lại, giá thức ăn chăn nuôi giảm 0,82% nhờ giá nhập khẩu ngô, đậu tương giảm.

Nhóm nguyên, nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,15% so với quý trước, ổn định so với cùng kỳ. Một số mặt hàng tăng như: thịt và sản phẩm từ thịt tăng 2,23% do dịch bệnh khiến nguồn cung giảm; sản phẩm từ dầu mỏ tăng 0,77%; hạt nhựa và hương liệu bánh kẹo tăng trên 0,5%. Trong khi đó, giá trứng gà giảm sâu 14,43% do nguồn cung dư thừa sau Tết.

Nhóm nguyên, nhiên vật liệu dùng cho ngành xây dựng tăng 0,67% so với quý trước và 0,62% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng có mức tăng: cát, đá tăng 0,93%, thiết bị chiếu sáng tăng 2,25%. Ngược lại, giá plastic, sắt thép, đồ điện dân dụng giảm nhẹ do nhu cầu tiêu thụ giảm và giá nguyên liệu đầu vào hạ nhiệt.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

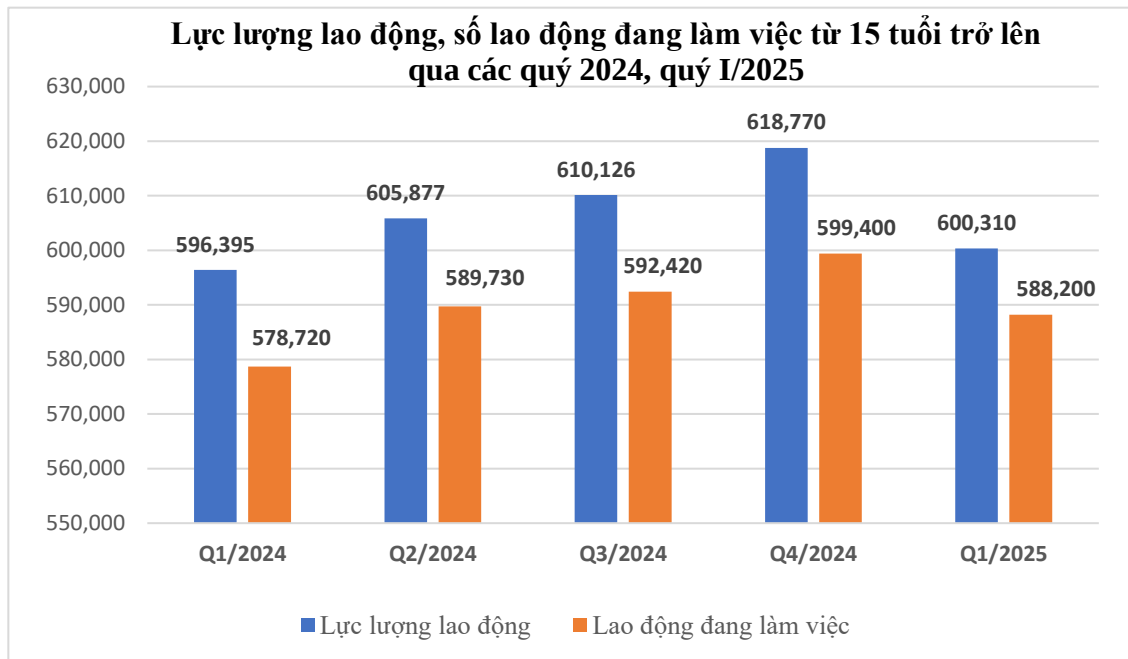
1. Lao động việc làm

Lực lượng lao động, lao động có việc làm: Quý I/2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh ước đạt 600,31 nghìn người, giảm 18,46 nghìn người (-2,98%) so với quý IV/2024 và tăng 3,91 nghìn người (+0,66%) so với cùng kỳ. Xét theo cơ cấu, lao động khu vực thành thị chiếm 32,9% (197,5 nghìn người), khu vực nông thôn chiếm 67,1% (402,8 nghìn người). Theo giới tính, lực lượng lao động nam giới chiếm 51,1% (306,9 nghìn người), nữ giới chiếm 48,9% (293,4 nghìn người).

Số lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trên toàn tỉnh ước đạt 588,2 nghìn người, giảm 11,2 nghìn người (-1,87%) so với quý trước và tăng 9,48 nghìn người (+1,64%) so với cùng kỳ. Lao động đang làm việc khu vực thành

thị chiếm 33,3% (195,9 nghìn người), khu vực nông thôn chiếm 66,7% (392,3 nghìn người). Về giới tính, lao động nam đang làm việc chiếm 51,6% (303,7 nghìn người), nữ chiếm 48,4% (284,5 nghìn người).

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ước đạt 1,5%, giảm 0,24 điểm phần trăm so với quý trước (1,74%) và giảm 0,22 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước (1,72%). Tỷ lệ lao động có trình độ đào tạo từ sơ cấp trở lên đạt 36,5%.



Số lao động thôi việc, mất việc: Tính từ ngày 15/02/2025 đến 14/03/2025, số lao động thôi việc, mất việc là 2.295 người tăng 410% so với tháng trước, tăng 38,59% so với cùng kỳ. Biến động lao động trong kỳ phản ánh đặc điểm thường gặp sau Tết Nguyên đán, khi thị trường bước vào giai đoạn chuyển đổi mùa vụ, doanh nghiệp cơ cấu lại sản xuất theo nhu cầu mới, đồng thời ghi nhận tâm lý chuyển việc của người lao động sau kỳ nghỉ dài ngày.

Mặc dù số lao động thôi việc tăng, song chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 3/2025 vẫn tăng 1,28% so với tháng trước và tăng 1,80% so với cùng kỳ. Tính chung quý I, chỉ số sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh tăng 0,09% so với quý I/2024, cho thấy lực lượng lao động được bổ sung và ổn định trở lại sau biến động đầu năm.

Công tác hỗ trợ việc làm: Công tác hỗ trợ lao động tiếp tục được triển khai thông qua các chương trình tư vấn việc làm, đào tạo nâng cao tay nghề và kết nối cung - cầu lao động. Tính đến ngày 15/03/2025, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 6.423 lao động, tăng 3,63% so cùng kỳ. Trong đó: giải quyết 1.110 việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; 2.937 việc làm trong khu vực công nghiệp - xây dựng; 2.194 việc làm khu vực dịch vụ; 182 người đi xuất khẩu lao động. Trong quý, Trung tâm Dịch vụ việc làm đã tiếp nhận 731 lượt

người đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, giải quyết 43 hồ sơ hỗ trợ học nghề, và tư vấn, giới thiệu việc làm cho 6.859 lượt người.

2. An sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm triển khai hiệu quả, góp phần hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng yếu thế, ổn định đời sống dân cư. Trong quý I/2025, công tác bảo trợ xã hội được duy trì thường xuyên. Các cơ sở bảo trợ thực hiện tốt việc chăm sóc, quản lý đối tượng, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán. Toàn tỉnh có 44.132 người đang hưởng trợ cấp xã hội, trong đó 43.671 người hưởng trợ cấp tại cộng đồng. Tổng kinh phí chi trả trong quý đạt 88,77 tỷ đồng, thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Công tác chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, đúng quy trình. Tính đến nay, toàn tỉnh có 183.624 người thuộc diện người có công và đối tượng liên quan, trong đó 127.891 người được hưởng ưu đãi theo Pháp lệnh, với 17.000 người nhận trợ cấp hàng tháng. Tổng số tiền chi trả trong quý đạt 162,98 tỷ đồng, gồm trợ cấp thường xuyên và trợ cấp đột xuất.

Việc hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được đẩy mạnh. Tỉnh đã cấp 10.546 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng nghèo, cận nghèo. Mặt trận Tổ quốc các cấp tăng cường huy động nguồn lực xã hội, triển khai các chương trình như “Xóa nhà tạm, nhà dột nát”, xây dựng nhà đại đoàn kết, góp phần giúp người nghèo từng bước ổn định cuộc sống và vươn lên thoát nghèo.

Hoạt động cho vay chính sách được duy trì hiệu quả. Tính đến đầu tháng 3/2025, có 110.753 khách hàng đang tiếp cận nguồn vốn với tổng dư nợ trên 5.066 tỷ đồng. Trong đó, hộ nghèo là 2.390 hộ (dư nợ 173,5 tỷ đồng), hộ cận nghèo là 4.844 hộ (dư nợ 357,7 tỷ đồng). Tỉnh đã chi hỗ trợ 42,5 tỷ đồng cho các hộ nghèo, cận nghèo từ ngân sách và các nguồn vận động tài trợ.

Về cấp phát thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, trong quý đã cấp 362.966 thẻ, giảm nhẹ 0,75% so với quý IV/2024. Trong đó, nhóm do tổ chức Bảo hiểm xã hội đóng là 47.948 thẻ, nhóm do ngân sách nhà nước đóng là 315.018 thẻ.

2. Giáo dục, đào tạo

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục được tỉnh quan tâm chỉ đạo toàn diện, triển khai nhiều giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các cấp học: Bố trí nguồn kinh phí để sửa chữa trường, lớp; tuyển dụng giáo viên; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số; liên kết hợp tác trong và ngoài nước; rà soát, quy hoạch lại mạng lưới trường lớp; đổi mới tư duy, phương pháp dạy và học nhằm phát triển toàn diện năng lực học sinh.

Thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy thêm, học thêm, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản hướng dẫn

thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh từ ngày 14/02/2025. Đồng thời, phát động phong trào thi đua năm 2025 với chủ đề: *“Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”*, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch và tiêu chí thi đua năm học 2024–2025. Thí điểm triển khai dạy học 5 ngày/tuần đối với cấp THCS, THPT và giáo dục thường xuyên tại các cơ sở có đủ điều kiện, áp dụng từ học kỳ II năm học 2024–2025.

Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tiếp tục được chú trọng, đặc biệt trong công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Các ngành chức năng đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả quản lý đối với các cơ sở GDNN, trong đó chú trọng cơ sở ngoài công lập và trực thuộc bộ, ngành. Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, giảng viên và trách nhiệm quản lý nhà nước về GDNN cũng được tăng cường.

3. Y tế

Công tác phòng bệnh và khám chữa bệnh cho Nhân dân: Trong quý I/2025, thời tiết giao mùa tạo điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn, vi-rút gây bệnh phát triển, làm gia tăng nguy cơ lây lan dịch bệnh. Ngành Y tế đã tăng cường tuyên truyền, khuyến cáo người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng bệnh như: tiêm vắc-xin đúng lịch đối với các bệnh truyền nhiễm (sởi, rubella, cúm, ho gà...), giữ ấm cơ thể, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, vệ sinh cá nhân và môi trường. Các đơn vị y tế trên địa bàn tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nhằm cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao tại tuyến cơ sở. Nhờ triển khai đồng bộ các biện pháp, trong quý không ghi nhận các ổ dịch lớn xảy ra trên địa bàn.

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Công tác truyền thông, giáo dục và phổ biến kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành thường xuyên thực hiện, tập trung vào các nhóm thực phẩm tiêu dùng nhiều trong dịp Tết và các cơ sở dịch vụ ăn uống. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, xử lý những vi phạm về an toàn thực phẩm. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra.

4. Văn hóa, thể thao

Hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe cho Nhân dân. Trong quý I/2025, tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức thành công nhiều hoạt động văn hóa kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, tiêu biểu như: Chương trình nghệ thuật đặc biệt *“Chào xuân mới Ất Tỵ 2025 – Tiến vào kỷ nguyên mới”*; Gặp mặt kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập tỉnh Vĩnh Phúc (12/02/1950 – 12/02/2025); Triển lãm tranh cổ động kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 – 03/02/2025); tổ chức thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ mở rộng năm 2025. Các chương trình nghệ thuật chào

năm mới được đồng loạt tổ chức tại 9 huyện/thành phố với không khí vui tươi, sôi nổi, tạo điểm nhấn trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

Hoạt động thể thao được tổ chức rộng khắp, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Một số giải thể thao nổi bật gồm: Giải thể thao “*Mừng Đảng – Mừng Xuân*” Ất Tỵ 2025; Giải bóng chuyền da truyền thống Tây Thiên lần thứ VIII; Giải đua xe đạp đường trường “*Về đất Mẫu Tây Thiên*”; Lễ phát động *Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2025*. Phong trào luyện tập thể thao tiếp tục lan tỏa sâu rộng, góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực Nhân dân, đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

5. Tình hình trật tự an toàn xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ và bảo vệ môi trường.

Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội: Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định. Các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn xã hội được ngành chức năng xử lý kịp thời, không để xảy ra điểm nóng (đặc biệt là thời điểm diễn ra Tết Nguyên Đán). Trong quý, xảy ra 143 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội, làm 08 người chết và 30 người bị thương (giảm 44 vụ, tăng 03 người chết, tăng 11 người bị thương so với cùng kỳ năm trước), thiệt hại tài sản 29.528,025 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 123 vụ, bắt giữ 238 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 2.471,676 triệu đồng.

Tình hình tai nạn giao thông: Tính đến 15/3/2025, toàn tỉnh xảy ra 74 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 38 người chết và bị thương 63 người. So với cùng kỳ năm trước tăng 03 vụ, tăng 05 người chết và tăng 04 người bị thương.

Tình hình cháy, nổ: Tính đến ngày 15/3/2025, tỉnh Vĩnh Phúc xảy ra 22 vụ cháy (04 vụ cháy rừng), giá trị thiệt hại 20,6 triệu đồng và 8 ha rừng. So với cùng kỳ, giảm 27 vụ, giảm 107 triệu đồng giá trị thiệt hại.

Công tác bảo vệ môi trường: Tính đến ngày 15/3/2025, trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 91 vụ và xử lý 90 vụ vi phạm môi trường với số tiền phạt là 692 triệu đồng. So với cùng kỳ, số vụ VPMT đã phát hiện giảm 80 vụ, đã xử lý giảm 81 vụ; số tiền xử phạt giảm 921,1 triệu đồng./.

Nơi nhận :

- Ban TKTH &ĐN-CTK;
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh;
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong